TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 06 - 11 - 2018
V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG- TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Minh.

Ông Đoàn Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn H Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 553/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1974.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà 82, tổ 24, khu 3, phường H1, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Việt H, sinh năm 1972.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà 82, tổ 24, khu 3, phường H, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Việt H chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1997 tại Ủy ban nhân dân phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị kết hôn, chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn cả hai có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do mỗi người một tính cách, một công việc khác nhau nên bất đồng quan điểm sống. Anh H có tính gia trưởng, hay có những lời nói xúc phạm chị, không tôn trọng chị và bạn bè của chị nên anh chị không thể ngồi nói chuyện, bàn bạc cùng nhau. Vì các con, chị đã cố gắng chịu đựng, chung sống cùng anh H, mong cuộc sống vợ chồng thay đổi nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thì người thân hai bên gia đình đều biết và có khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, sống ly thân với anh H, không ai quan tâm đến đời sống tình cảm của ai. Đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Việt H.

Về con chung: Vợ cH anh, chị có 02 con chung là: Đỗ Thúy H3, sinh ngày 27/9/1997 và Đỗ Thúy H4, sinh ngày 16/9/2006. Con chung là Đỗ Thúy H3 đã đủ tuổi thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Thúy H4 đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh, chị không vay nợ của tổ chức hay cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đỗ Việt H trình bày:

Anh xác nhận điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày là đúng. Vợ cH anh, chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vì chị Y có nhiều mối quan hệ với những người bạn trai không rõ ràng. Do đó, có nhiều người quen và bạn bè có nói tham gia với anh nhưng anh vẫn tuyệt đối tin tưởng chị Y. Tuy nhiên, có một buổi tối, anh có nhìn thấy chị Y đi cùng với một người đàn ông khác. Đầu năm 2018, chị Y bị bệnh và phải đi mổ tuY giáp ở trên Hà Nội. Từ sau khi đi bệnh viện về thì tính tình chị Y thay đổi, hay cáu giận, không nói chuyện cùng với anh. Do đó, vợ chồng không

có tiếng nói chung, không nói chuyện, bàn bạc gì. Ngoài giờ đi làm, khi về nhà thì anh chị không ai nói chuyện với ai. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thì người thân hai bên gia đình đều biết và có khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến nay, chị Y và các con chung đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, sống ly thân với anh từ đó. Đến nay, chị Y đề nghị vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý. Anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Y vẫn còn nên đề nghị vợ chồng đoàn tụ gia đình, cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung như chị Y trình bày là đúng, anh đồng ý với quan điểm trông nom, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con chung của chị Y.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Như chị Y trình bày là đúng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/9/2018, cháu Đỗ Thúy H4 có lời khai thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Y.

Tòa án tiến hành xác minh nơi chị Y và anh H cư trú, thể hiện: Anh H là cán bộ ngành than, thường xuyên lo toan công việc gia đình. Chị Y là giáo viên mầm non, không có thời gian lo toan công việc trong gia đình. Do đó, giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trong việc chăm lo cho cuộc sống chung. Mâu thuẫn của anh H, chị Y diễn ra từ tháng 01 năm 2018. Từ cuối tháng 6 năm 2018, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, sống ly thân với anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, cụ thể:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị HĐXX giải quyết: Không chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu "xin ly hôn" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 17/01/1997 tại Ủy ban nhân dân phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đỗ Việt H là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do mỗi người một tính cách, một công việc khác nhau nên bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau. Do đó, trong gia đình vợ chồng không có tiếng nói chung, không nói chuyện, bàn bạc gì với nhau. Anh chị tuy sống cùng nhà nhưng ngoài giờ đi làm, khi về nhà thì anh chị không ai nói chuyện với ai. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Anh H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chị Y không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H đã trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là: Đỗ Thúy H3, sinh ngày 27/9/1997 và Đỗ Thúy H4, sinh ngày 16/9/2006. Các đương sự có quan điểm thống nhất: Con chung là Đỗ Thúy H3 đã đủ tuổi thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Thúy H4 đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sự thống nhất của các đương sự phù hợp với quan điểm của con chung là cháu Đỗ Thúy H4. Hội đồng xét xử thấy rằng, hai đương sự thống nhất việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy chấp nhận yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của chị Y.

[3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí*:* Chị Y phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu "xin ly hôn" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với anh Đỗ Việt H.

Về con chung: Đỗ Thúy H3, sinh ngày 27/9/1997 đã thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Đỗ Thúy H4, sinh ngày 16/9/2006 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành trả tiền thì phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003031, ngày 24/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh Đỗ Việt H phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 -

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND TP Hạ Long;*
- *THADS TP Hạ Long;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS; Lưu VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đạt